



1103 Series Tải nặng

LOẠI CÀNG KIỂU C C型系列

- Tải trọng lớn và xoay chuyển linh hoạt, thích hợp sử dụng để vận chuyển đồ trong công xưởng. Ngoài ra, có thể lắp thêm nắp chống cuốn sợi và nắp chống bụi (sản phẩm có bằng sáng chế của Dersheng) để ngăn chặn sợi và bụi bám vào bánh, và giúp tăng tuổi thọ sử dụng của bánh xe.
- 高負載且旋轉靈活，普遍適用於一般工廠搬運，另可附防纏絲及防塵蓋，屬得駐專利產品，可以有效防止腳輪因灰塵或纏絲而無法轉動，提高腳輪使用壽命。

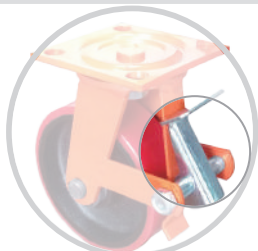
Tải trọng載重
200-500kg



» Đặc điểm 特色區



Khóa BCD (Khóa giữa)
BCD煞(中煞)



Khóa K
K煞



Nắp chống cuốn
sợi cho bánh xe
輪子可附防纏絲蓋



Nắp chống bụi
cho bánh xe
輪子可附防塵蓋

» Vật liệu bánh xe 輪子選項

Bánh PU lõi gang
鐵芯聚氨酯



Bánh CPD
CPD輪



Bánh WMRC
WMRC輪



Bánh QPU
QPU輪



Bánh cao su lõi gang
三星輪



Bánh Nylon
尼龍輪



Bánh xe gang
鉄輪



Bánh EPU
EPU輪



Ô bi
滾珠軸承

**» Quy cách tấm lắp 底板規格**

Kích cỡ bánh xe 腳輪尺寸	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
4"Càng kiểu C 4"C型架	100 x 115 mm (3-15/16"x 4-1/2")	75 x 75 mm (3"x 3")	10 mm (3/8")
5"Càng kiểu C 5"C型架	100 x 115 mm (3-15/16"x 4-1/2")	75 x 75 mm (3"x 3")	10 mm (3/8")
6"Càng kiểu C 6"C型架	125 x 125 mm (4-15/16"x 4-15/16")	105 x 105 mm (4-1/8"x 4-1/8")	10 mm (3/8")
8"Càng kiểu C 8"C型架	125 x 125 mm (4-15/16"x 4-15/16")	105 x 105 mm (4-1/8"x 4-1/8")	10 mm (3/8")
10",12"Càng kiểu C 10",12"C型架	160 x 160 mm (6-5/16"x 6-5/16")	130 x 130 mm (5-1/8"x 5-1/8")	M12

 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
100mm x 34mm (4" x 1-3/8")	250 kgs (550 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1103-04-80-1	1103-04-80-2	1103-04-80-4	Ổ bi 滾珠	145mm (5-11/16")	Xoay 75mm Khóa K 75mm Khóa BCD 105mm 活動 75mm K 75mm BCD 105mm
100mm x 38mm (4" x 1-1/2")	200 kgs (440 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1103-04-33-1	1103-04-3 3-2	1103-04-33-4			
	200 kgs (440 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1103-04-03-1	1103-04-03-2	1103-04-03-4			
	200 kgs (440 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1103-04-49-1	1103-04-49-2	1103-04-49-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1103-04-07-1	1103-04-07-2	1103-04-07-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh xe gang 鉄輪	1103-04-14-1	1103-04-14-2	1103-04-14-4			
125mm x 40mm (5" x 1-9/16")	300 kgs (660 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1103-05-80-1	1103-05-80-2	1103-05-80-4	Ổ bi 滾珠	168.5mm (6-5/8")	Xoay 91mm Khóa K 91mm Khóa BCD 106mm 活動 91mm K 91mm BCD 106mm
125mm x 42mm (5" x 1-5/8")	300 kgs (660 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1103-05-78-1	1103-05-78-2	1103-05-78-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1103-05-33-1	1103-05-33-2	1103-05-33-4			
	220 kgs (485 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1103-05-03-1	1103-05-03-2	1103-05-03-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1103-05-49-1	1103-05-49-2	1103-05-49-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1103-05-07-1	1103-05-07-2	1103-05-07-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh xe gang 鉄輪	1103-05-14-1	1103-05-14-2	1103-05-14-4			
150mm x 42mm (6" x 1-5/8")	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1103-06-80-1	1103-06-80-2	1103-06-80-4	Ổ bi 滾珠	197mm (7-3/4")	Xoay 106mm Khóa K 106mm Khóa BCD 166mm 活動 106mm K 106mm BCD 166mm
150mm x 48mm (6" x 1-7/8")	350 kgs (770 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1103-06-78-1	1103-06-78-2	1103-06-78-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1103-06-33-1	1103-06-33-2	1103-06-33-4			
	260 kgs (570 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1103-06-03-1	1103-06-03-2	1103-06-03-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1103-06-49-1	1103-06-49-2	1103-06-49-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1103-06-07-1	1103-06-07-2	1103-06-07-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh xe gang 鉄輪	1103-06-14-1	1103-06-14-2	1103-06-14-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1103-06-45-1	1103-06-45-2	1103-06-45-4			



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
200mm x 45mm (8" x 1-6/8")	400 kgs (880 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1103-08-80-1	1103-08-80-2	1103-08-80-4	Ổ bi 滾珠	244mm (9-5/8")	Xoay 147mm Khóa K 147mm Khóa BCD 168mm 活動 147mm K鎖 147mm BCD鎖 168mm
200mm x 48mm (8" x 1-7/8")	350 kgs (770 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1103-08-33-1	1103-08-33-2	1103-08-33-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1103-08-03-1	1103-08-03-2	1103-08-03-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1103-08-49-1	1103-08-49-2	1103-08-49-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1103-08-07-1	1103-08-07-2	1103-08-07-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh xe gang 銑輪	1103-08-14-1	1103-08-14-2	1103-08-14-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1103-08-45-1	1103-08-45-2	1103-08-45-4			
200mm x 50mm (8" x 2")	400 kgs (880 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1103-08-80-1	1103-08-80-2	1103-08-80-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1103-08-78-1	1103-08-78-2	1103-08-78-4			
254mm x 50mm (10" x 2")	450 kgs (990 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1103-10-07-1	1103-10-07-2	—	Ổ bi 滾珠	320mm (12-5/8")	Xoay 181mm 活動 181mm
254mm x 62mm (10" x 2-7/16")	450 kgs (990 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1103-10-33-1	1103-10-33-2	—			
	450 kgs (990 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1103-10-80-1	1103-10-80-2	—			
300mm x 70mm (12" x 2-3/4")	500 kgs (1100 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1103-12-33-1	1103-12-33-2	—	Ổ bi 滾珠	350mm (13-3/4")	Xoay 221mm 活動 221mm